

Bản án số: 404/2026/HS-ST
Ngày: 27/7/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phương Hồ
2. Ông Võ Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Quang Thị Thuý Ly – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Ngô Thị Hoài Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh (số G, tỉnh lộ 8, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 376/2026/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 498/2026/QĐXXST-HS ngày 15/7/2026 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Trần Quang L, sinh ngày 23/5/1999, nơi sinh: Tỉnh Gia Lai; Giới tính: Nam; CCCD số 052099010290, cấp ngày 04/04/2025, tại Cục C1 về TTXH; Đăng ký thường trú: Đội 5, ấp V, xã V, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở: Nhà không số, ấp B, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn S và bà Trần Thị G; Hoàn cảnh gia đình: Anh chị em ruột có 03 kể cả bị cáo, bị cáo chưa có vợ;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ chuyên tạm giam từ ngày 13/10/2025 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: Lê Tuấn A, sinh ngày 22/3/1996, nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; CCCD số 079096002958, cấp ngày 15/3/2024, tại Cục C1 về TTXH; Đăng ký thường trú: Số A ấp F, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Số A ấp F, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn S1 và bà Nguyễn Thị C; Hoàn cảnh gia đình: Anh chị em ruột có 03 người kể cả bị cáo, bị cáo chưa có vợ.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ chuyên tạm giam từ ngày 13/10/2025 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Quang L và bị cáo Lê Tuấn A có mối quan hệ bạn bè và cả hai là đối tượng nghiện ma túy. Cả 02 bị cáo đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhiều lần tại phòng trọ của bị cáo L tại địa chỉ: Nhà không số, ấp B, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

Lần thứ nhất, vào tối ngày 27/9/2025, bị cáo L rủ một người đàn ông (chưa rõ lai lịch) đến phòng trọ để sử dụng ma túy. Người này đến mang theo ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy nhưng do L thấy không phù hợp tính tình nên cả hai chỉ ngủ mà không sử dụng ma túy chung. Đến sáng ngày 28/9/2025, bị cáo L liên lạc qua Zalo rủ bị cáo Tuấn A đến phòng trọ để sử dụng ma túy, bị cáo Tuấn A đồng ý. Khi đến nơi, bị cáo Tuấn A đưa 300.000 đồng cho L để góp tiền mua ma túy, L đưa số tiền trên cho người đàn ông trên để mua lại 01 gói ma túy và 01 ống thủy tinh đầu tròn. Bị cáo L gắn ống thủy tinh đầu tròn vào chai nhựa, đổ gói ma túy vừa mua được vào phần đầu tròn, dùng bật lửa đốt nóng làm tan chảy ma túy tạo thành khói. Bị cáo L và bị cáo Tuấn A lần lượt sử dụng bằng cách hút khói vào miệng cho đến khi hết ma túy. Sau đó, bị cáo L vứt bỏ bộ dụng cụ sử dụng ma túy nêu trên.

Lần thứ hai, vào ngày 11/10/2025, bị cáo Tuấn A liên lạc qua Zalo rủ bị cáo L sử dụng ma túy thì bị cáo L đồng ý. Bị cáo Tuấn A đưa cho bị cáo L 500.000 đồng để mua ma túy và điều khiển xe mô tô biển số 59YA-118.69 chở bị cáo L đến khu vực chợ Đ thuộc xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo L gặp một người thanh niên (chưa rõ lai lịch) mua 500.000 đồng ma túy và 01 bộ dụng cụ sử dụng. Khi về đến phòng trọ của bị cáo L, bị cáo L lắp dụng cụ sử dụng ma túy rồi đổ một phần ma túy vào phần đầu tròn ống thủy tinh. Sau đó, cả 02 bị cáo sử dụng ma túy với cách thức tương tự ngày 28/9/2025.

Tại phiên tòa, bị cáo Tuấn A thừa nhận khi sử dụng ma túy xong, bị cáo có biết là ma túy sử dụng vẫn còn và chưa sử dụng hết. Khi đó, bị cáo L có nói cho bị cáo Tuấn A biết là bị cáo L sẽ cất giấu phần ma túy còn lại (01 gói nylon và 01 ống thủy tinh đầu tròn) để hai bị cáo sử dụng cho lần tiếp theo thì bị cáo Tuấn A đồng ý và không có ý kiến gì. Bị cáo L đem số ma túy còn lại để trong túi quần jeans của bị cáo L rồi treo lên sợi dây phơi đồ, để tại phòng trọ của bị cáo L.

Đến 00 giờ 30 phút ngày 12/10/2025, bị cáo Tuấn A điều khiển xe mô tô biển số 59YA-118.69 chở L đến trước địa chỉ D đường Đ, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị tổ công tác 363 số 3 thuộc Công an Thành phố H tuần tra kiểm tra. Qua xét nghiệm, cả 02 bị cáo dương tính với ma túy loại Methamphetamine. Tại cơ quan điều tra, cả 02 bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo L tại địa chỉ: Nhà không số, ấp B, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ 01 ống thủy tinh đầu tròn chứa tinh thể và 01 gói nylon chứa tinh thể trong túi trước, bên trái quần jeans dài màu đen đang treo trên sợi kẽm.

Kết luận giám định số 7454/KL-KTHS ngày 17/10/2025 của Phòng K Công an Thành phố H xác định: 01 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Bùi

Công L1 (Điều tra viên) và hình dấu Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H, bên trong có:

- 01 ống thủy tinh dính tinh thể (được ký hiệu m₁) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0868g, loại Methamphetamine.

- 01 gói nylon chứa tinh thể (được ký hiệu mẫu m₂) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1042g, loại Methamphetamine.

Vật chứng thu giữ:

- 01 ống thủy tinh đầu tròn chứa tinh thể;

- 01 gói nylon chứa tinh thể;

- 01 điện thoại di động hiệu S2 màu đen đã qua sử dụng, bị cáo L sử dụng để liên lạc mua ma túy;

- 01 xe mô tô hiệu Honda màu trắng, biển số 59YA-118.69, số khung RLHJA393XRY069194, số máy: JA70E-0361270. Theo kết luận giám định số 621/KL-KTHS ngày 03/02/2026 của Phòng K Công an Thành phố H xác định: Số khung, số máy nguyên thủy, không bị đục lại số. Qua xác minh, xe này do Lê Thị Kim A1 (địa chỉ: A ấp F, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 11/10/2025, bà Kim A1 cho bị cáo Tuấn A mượn xe để đi ăn tối. Bà Kim A1 không biết việc bị cáo Tuấn A sử dụng xe này đi mua ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho bà Kim A1 tiếp tục quản lý, sử dụng.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKSKV8 ngày 20/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử: Trần Quang L và Lê Tuấn A về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội:

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các chứng cứ có tại hồ sơ.

Vào ngày 28/9/2025 và 11/10/2025, tại địa chỉ ấp B, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh, Trần Quang L và Lê Tuấn A đã có hành vi tổ chức sử dụng ma túy nhiều lần, bằng hình thức hút. Trong đó, Trần Quang L là người liên lạc để mua ma túy, cung cấp địa điểm sử dụng, chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy; Lê Tuấn A là người đưa tiền cho L và chở L đi mua ma túy về để cả hai cùng sử dụng. Khi bị phát hiện, Công an thu giữ của L và Tuấn A 0,191g ma túy, loại Methamphetamine với mục đích sử dụng cho lần tiếp theo.

Hành vi nêu trên của hai bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, cần xử lý bằng biện pháp hình sự để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật

Hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân của 02 bị cáo chưa có tiền án, tiền sự khi cân nhắc quyết định hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm a khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025); Tuyên bị cáo Trần Quang L và bị cáo Lê Tuấn A phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

Đề nghị xử phạt mỗi bị cáo từ 03 (ba) năm 5 đến 04 (bốn) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và từ 08 (tám) đến 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng, đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy: 01 ống thủy tinh đầu tròn chứa tinh thể; 01 gói nylon chứa tinh thể; Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen đã qua sử dụng, bị cáo L sử dụng để liên lạc mua ma túy.

Đối với đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo L, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H chưa xác định được lai lịch, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

Đối với bà Cao Thị Tuyết H (chủ nhà trọ của L) và bà Trần Thị G (mẹ ruột của bị cáo L) không liên quan đến vụ án nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, các bị cáo không tranh luận, không tự bào chữa.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ.

Bị cáo Trần Quang L và bị cáo Lê Tuấn A có mối quan hệ bạn bè và cả hai là đối tượng nghiện ma túy. Vào các ngày 28/9/2025 và 11/10/2025, tại địa chỉ: Nhà không số, ấp B, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh (nhà trọ của bị cáo L thuê); bị cáo Trần Quang L và bị cáo Lê Tuấn A đã có hành vi tổ chức cho nhau cùng sử dụng trái phép chất ma túy (tiền mua ma túy và mua dụng cụ sử dụng ma túy là của bị cáo Tuấn A, địa điểm tổ chức sử dụng là nhà trọ do bị cáo L thuê và bị cáo Tuấn A là người chở bị cáo L đi mua chất ma túy). Khi bị phát hiện, Công an thu giữ của bị cáo L và bị cáo Tuấn A 0,191g ma túy, loại Methamphetamine đang cất giấu tại phòng trọ của bị cáo L với mục đích để dành sử dụng cho lần tiếp theo.

Bằng hành vi trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Trần Quang L và bị cáo Lê Tuấn A đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 và điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2025).

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đặc biệt là trong tình hình hiện nay, tệ nạn ma túy đang là vấn nạn của xã hội, ma túy đã gây ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của con người, làm huỷ hoại sức khoẻ, giảm khả năng lao động và là một trong những nguyên nhân gây ra các tội phạm khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương và tạo ra một dư luận xấu trong nhân dân. Mặc khác hành vi của các bị cáo cũng đã trực tiếp xâm phạm các quy định của Nhà nước về quản lý dược liệu, dược phẩm độc hại và chính sách độc quyền quản lý của nhà nước đối với các chất ma túy. Các bị cáo nhận thức được việc tàng trữ và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng chỉ vì mong muốn thỏa mãn cơn nghiện mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ cần áp dụng hình phạt phù hợp, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo và giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội. Tuy nhiên, cần xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi và nhân thân của từng bị cáo để có mức hình phạt tương xứng.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình tố tụng vụ án và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 255 của Bộ luật hình sự; xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng

Đối với: 01 ống thuỷ tinh đầu tròn chứa tinh thể (được ký hiệu m₁), phần còn lại của mẫu m₁, có khối lượng 0,0537g; 01 gói nylon chứa tinh thể (được ký

hiệu mẫu m₂), phần còn lại của mẫu m₂ có khối lượng là 0,0745g, số lượng 1 cái; Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy.

Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen đã qua sử dụng, bị cáo L sử dụng để liên lạc mua ma túy; đây là công cụ, phương tiện mà bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội; xét thấy cần tịch thu sung công quỹ nhà nước là phù hợp.

Đối với: 01 xe mô tô hiệu Honda màu trắng, biển số 59YA-118.69, số khung RLHJA393XRY069194, số máy: JA70E-0361270. Qua điều tra xác định bà Lê Thị Kim A1 (địa chỉ: A ấp F, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh) là người đứng tên chủ sở hữu. Ngày 11/10/2025, bà Kim A1 cho bị cáo Tuấn A mượn xe để đi ăn tối. Bà Kim A1 không biết việc bị cáo Tuấn A sử dụng xe này đi mua ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho bà Kim A1 là phù hợp.

[8] Đối với đối tượng đã bán ma túy cho L, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể, đang tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào xác định được sẽ xử lý sau; Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp.

Đối với bà Cao Thị Tuyết H (chủ nhà trọ của L) và bà Trần Thị G (mẹ ruột của L) không biết các bị cáo có tàng trữ trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[9] Xét cần buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Tuyên bố: Bị cáo Trần Quang L và bị cáo Lê Tuấn A phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Quang L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Trần Quang L phải chấp hành hình phạt chung là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2025.

Xử phạt bị cáo Lê Tuấn A 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Lê Tuấn A chấp hành hình phạt chung là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2025.

2. Về vật chứng

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu, tiêu hủy: 01 ống thủy tinh đầu tròn chứa tinh thể (được ký hiệu m₁), phần còn lại của mẫu m₁, có khối lượng 0,0537g; 01 gói nylon chứa tinh thể (được ký hiệu mẫu m₂), phần còn lại của mẫu m₂ có khối lượng là 0,0745g, số lượng 1 cái;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu S2, Imei: 354860724807515, imei 2: 356320174807513, đã qua sử dụng;

(Các vật chứng nêu trên được liệt kê theo Lệnh nhập kho vật chứng số B17405/LNK-CSMT ngày 13/11/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và Quyết định chuyển vật chứng số 19/QĐ-VKSKV8 ngày 20/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Trần Quang L và bị cáo Lê Tuấn A, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo

Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 8 - Tp. ;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam số 02 - Công an Tp. ;
- Thi hành án dân sự T;
- Các bị cáo;
- Lưu: Vp, hồ sơ. (28b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Xuân Lan